

MỘT SỐ ĐIỀU VỀ CHẤT LƯỢNG SỐ LIỆU THỐNG KÊ NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Phạm Quang Vinh^(*)

Chất lượng số liệu luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu đối với cả những người sản xuất thông tin và những người sử dụng thông tin. Ngành Thống kê đã có nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng số liệu và trên thực tế những số liệu có độ tin cậy cao đã phục vụ đắc lực sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của các cấp, các ngành. Chất lượng số liệu thống kê nói chung và số liệu nông, lâm nghiệp và thủy sản nói riêng được đánh giá một cách tổng hợp qua nhiều tiêu thức khác nhau. Ngoài các yêu cầu về sự phù hợp, chính xác và kịp thời, các số liệu nông, lâm nghiệp và thủy sản còn phải đáp ứng nhiều yêu cầu khác của những người dùng tin như tạo điều kiện thuận lợi để cho mọi đối tượng có thể dễ dàng tiếp cận được các nguồn thông tin, đồng thời cũng cần đảm bảo được tính công khai, chặt chẽ và logic của số liệu.

1. Khả năng tiếp cận thông tin

Khả năng tiếp cận thông tin phản ánh cách thức sắp xếp và tiếp cận số liệu một cách dễ dàng. Do có nhiều đối tượng sử dụng và nhiều nhu cầu sử dụng khác nhau nên đòi hỏi phải xem xét và lựa chọn nhiều hình thức thể hiện và công bố số liệu khác nhau. Khả năng tiếp cận thông tin thống kê thể hiện ở nhiều mặt: Mức độ công bố rộng rãi của thông tin thống kê, tính sẵn có của các cơ sở dữ liệu và các dịch vụ hỗ trợ người sử dụng thông tin, sự phù hợp về hình thức thể hiện của số liệu. Đồng thời nó cũng bao gồm cả khả năng đáp ứng đầy đủ số liệu

cho người sử dụng và tạo điều kiện cho người sử dụng có cơ hội biết đến nguồn số liệu đã có cũng như cách thức để khai thác những số liệu này.

Quán triệt yêu cầu đó, trong thời gian gần đây, các loại số liệu thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản được phổ biến đã không ngừng tăng lên về số lượng chỉ tiêu công bố, đồng thời đã có nhiều chuyển biến và bổ sung trong các hình thức công bố thông tin để người sử dụng có thể tiếp cận được các thông tin cần thiết. Hiện nay, thông tin thống kê về nông, lâm nghiệp và thủy sản được công bố và cung cấp cho người sử dụng qua các hình thức sau:

- Niên giám Thống kê tóm tắt - Cung cấp sớm thông tin chủ yếu của cả nước hoặc theo vùng.

- Niên giám Thống kê đầy đủ - Cung cấp khá toàn diện các thông tin nông, lâm nghiệp và thủy sản trên phạm vi cả nước và đến từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Các ấn phẩm chuyên ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: Trong thời gian qua, nhiều ấn phẩm đã được phát hành và được người sử dụng hoan nghênh, trong đó có những ấn phẩm đáng chú ý là: Số liệu thống kê nông nghiệp 35 năm (1956 - 1990), Số liệu thống kê nông nghiệp 5 năm (1981 - 1985), số liệu thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản Việt Nam năm 1985 - 1995, số liệu thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản Việt Nam năm 1975 - 2000, số liệu thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản Việt Nam năm

^(*) Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản

1945 - 2000, số liệu thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản Việt Nam năm 1996 - 2003, số liệu kết quả Tổng điều tra nông thôn và nông nghiệp năm 1994, kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001.

- Các đĩa CD ROM và cơ sở dữ liệu về Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001: Để phục vụ tốt hơn nhu cầu thông tin của các đối tượng sử dụng, các hình thức phổ biến số liệu về kết quả Tổng điều tra năm 2001 đã được coi trọng, đặc biệt là các sản phẩm điện tử như các đĩa CD ROM và các cơ sở dữ liệu. Đây là điểm mới so với Tổng điều tra năm 1994 (trong Tổng điều tra năm 1994 các kết quả điều tra chỉ được thể hiện trong các ấn phẩm in, chưa được công bố dưới hình thức các sản phẩm điện tử).

- Phổ biến thông tin qua trang Web của Tổng cục Thống kê: Đây là hình thức đang được nhiều người sử dụng thông tin đánh giá cao và ngày càng được quan tâm. Cho đến nay, trang Web của Tổng cục Thống kê đã cung cấp cả về số liệu thu thập và các vấn đề liên quan đến phương pháp thu thập thông tin. Các thông tin đã được đưa lên trang Web khá đa dạng, bao gồm các thông tin hàng tháng (tiến độ gieo cấy lúa, tiến độ thu hoạch lúa từng tháng, sản lượng thủy sản từng tháng so với số liệu cùng kỳ năm trước), các thông tin về tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý, 6 tháng, ước tính và sơ bộ năm. Về số liệu hàng năm và dãy số liệu các năm, phần lớn các thông tin về nông, lâm nghiệp và thủy sản trong Niên giám thống kê cũng đã được cung cấp trên trang Web của Tổng cục. Ngoài ra, truy cập vào trang Web của Tổng cục, những người sử dụng tin có thể khai thác được nhiều thông tin khác như phương án Tổng điều tra Nông thôn, Nông

nghiệp và Thủy sản, và toàn bộ hệ thống phiếu Tổng điều tra.

Ngoài các hình thức cung cấp và phổ biến số liệu nêu trên, những người sử dụng tin có thể khai thác các thông tin về nông, lâm nghiệp và thủy sản qua các cuộc họp báo công bố số liệu (thường là công bố số liệu 6 tháng và cả năm), qua các báo cáo phân tích từng thời kỳ (báo cáo 5 năm, báo cáo phân tích giữa nhiệm kỳ,...) hoặc có thể trực tiếp đến Tổng cục để khai thác thông tin, nhất là các thông tin chuyên sâu hoặc chi tiết (số liệu đến cấp huyện theo từng loại cây, con đặc thù,...)

2. Tính công khai và minh bạch của số liệu

Trong thời gian qua, ngành thống kê đã quan tâm nhiều đến tính công khai, minh bạch của số liệu và trên thực tế đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của các đối tượng sử dụng tin ở các mặt sau đây :

2.1. Công khai, minh bạch về phương pháp thu thập thông tin và chế độ báo cáo

Về phương pháp thu thập thông tin: Các thông tin về nông, lâm nghiệp và thủy sản hiện nay chủ yếu được thu thập qua các cuộc điều tra thường xuyên hoặc Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản, chỉ một số ít các số liệu được thu thập qua báo cáo của các Bộ, ngành hoặc chế độ báo cáo cơ sở (áp dụng cho các doanh nghiệp Nhà nước). Các chỉ tiêu được quy định rõ ràng về khái niệm, nội dung, hình thức thu thập, phương pháp tính toán, nguồn số liệu hoặc đơn vị cung cấp thông tin.

Đối với chế độ báo cáo áp dụng đối với Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các đối tượng có nhu cầu tìm

hiểu đều được đáp ứng đầy đủ thông qua trao đổi trực tiếp tại cơ quan Tổng cục Thống kê hoặc các cục Thống kê.

Tính công khai, minh bạch còn được thể hiện ở việc chủ động trưng cầu ý kiến của các Bộ, Ngành liên quan trực tiếp trong quá trình xây dựng, cải tiến các phương án điều tra và chế độ báo cáo. Trong nhiều trường hợp, ngành thống kê đã mời các chuyên gia quốc tế có kinh nghiệm cùng tham gia thiết kế các nội dung điều tra cũng thiết kế hệ thống thông tin đầu ra.

2.2. Việc phổ biến các thông tin đã được kèm theo giải thích

Đây là điểm mới và tiến bộ của ngành thống kê nói chung và thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản nói riêng. Trong những năm gần đây trước đòi hỏi của các đối tượng sử dụng tin, số lượng các chỉ tiêu được ngành thống kê công bố công khai ngày càng nhiều, đồng thời số lượng các chỉ tiêu có kèm giải thích cũng tăng lên đáng kể. Việc giải thích các chỉ tiêu công bố được thể hiện rõ nhất và thường xuyên được bổ sung là ở các ấn phẩm “Niên giám thống kê”. Cho đến nay, phần lớn các chỉ tiêu về nông, lâm nghiệp và thủy sản công bố trong Niên giám thống kê đã được làm rõ về khái niệm, nội dung và công thức tính (nếu có). Những chỉ tiêu đã kèm theo giải thích bao gồm: Giá trị sản xuất nông nghiệp, cây lâu năm, cây hàng năm, năng suất cây nông nghiệp, diện tích thu hoạch, sản lượng lương thực có hạt, sản lượng lúa, ngô, sản lượng cây chất bột có củ, số lượng từng loại vật nuôi như trâu, bò, lợn, gia cầm; giá trị sản xuất lâm nghiệp, diện tích rừng hiện có, rừng tự nhiên diện tích rừng bị cháy, diện tích rừng bị phá; giá trị

sản xuất thủy sản, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản, sản lượng thủy sản.

3. Tính chặt chẽ và logic của số liệu

Hệ thống chỉ tiêu nông, lâm nghiệp và thủy sản đã thường xuyên được nghiên cứu, bổ sung và sửa đổi cho phù hợp với diễn biến thực tế của các hiện tượng phát sinh trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những thông tin đã được thu thập trong các giai đoạn trước, đồng thời chú ý đến các chuẩn mực quốc tế và tính khả thi trong việc thu thập thông tin của nước ta. Do vậy, hệ thống thông tin về nông, lâm nghiệp và thủy sản về cơ bản đảm bảo được sự chặt chẽ, logic và thống nhất, đảm bảo phản ánh đầy đủ và khoa học bức tranh toàn cảnh về nông, lâm nghiệp và thủy sản. Tính chặt chẽ của số liệu đã được chú ý ngay trong quá trình xây dựng thiết kế các loại phiếu điều tra, biểu báo cáo của cơ sở cho đến việc xây dựng hệ thống thông tin đầu ra của các cấp.

Khâu thiết kế các loại phiếu thu thập thông tin trong các cuộc điều tra thường xuyên cũng như Tổng điều tra được thực hiện theo các qui trình chặt chẽ và khoa học, đảm bảo sự kế thừa những ưu việt của các cuộc điều tra, tổng điều tra trước và các cuộc điều tra khác của Tổng cục, đồng thời tiếp thu ý kiến đóng góp của các ngành, các cấp, các chuyên gia trong nước và quốc tế. Quá trình thiết kế các loại phiếu điều tra trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản được thực hiện một cách đồng bộ ở các khâu công việc từ xác định nhu cầu, nội dung điều tra đến xây dựng phương án, thiết kế mẫu, phiếu điều tra, viết tài liệu hướng dẫn cũng như các qui trình bắt buộc trong điều tra. Ngoài ra, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình thiết kế và xử lý thông tin đã được

cân nhắc và xem xét kỹ lưỡng. Điểm đáng lưu ý là các tài liệu liên quan đến các cuộc điều tra như phương án, phiếu điều tra, thiết kế mẫu, tài liệu giải thích, các qui trình điều tra thường được rà soát, chọn lọc đến hoàn thiện thông qua các cuộc điều tra thử nghiệm ở các vùng có điều kiện kinh tế - địa lý khác nhau. Đồng thời tổ chức nhiều cuộc hội thảo với nhiều đối tượng khác nhau bao gồm cả người sản xuất tin và người sử dụng tin, người làm công tác lý luận cũng như người làm thực tiễn. Nhờ có những hoạt động thiết thực này mà các loại phiếu điều tra mang tính khả thi và cơ bản đảm bảo yêu cầu về tính chặt chẽ ngay từ khâu chuẩn bị.

Về chế độ báo cáo thống kê cơ sở: Chế độ này thường xuyên được nghiên cứu, bổ sung và sửa đổi cho phù hợp với nhu cầu thông tin từng thời kỳ và đặc điểm tổ chức sản xuất của các đơn vị. Việc này được tiến hành thường xuyên theo những qui trình chặt chẽ trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu thông tin trong từng thời kỳ, đánh giá những ưu điểm cũng như tồn tại trong chế độ báo cáo đề xuất những nội dung và hình thức báo cáo phù hợp.

Về chế độ báo cáo thống kê tổng hợp: Ngày 19/7/1996 Tổng cục Thống kê đã ban hành chế độ báo cáo và điều tra thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quyết định số: 300 TCTK/NLTS của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê. Chế độ báo cáo này bao gồm 2 phần: Phần biểu mẫu báo cáo thống kê gồm 25 biểu; phần 2 gồm 7 phương án điều tra áp dụng cho thời kỳ 1996 - 2000. So với trước đây chế độ báo cáo mới đã được cải tiến rất nhiều về nội dung và giảm thiểu đáng kể về số lượng chỉ tiêu theo hướng tinh giản, thiết thực và có hiệu lực; đã bổ sung các chỉ tiêu mới trong hệ thống tài khoản quốc gia (NSA) của Liên Hợp Quốc:

giá trị sản xuất; chi phí trung gian và giá trị tăng thêm trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản thay thế chỉ tiêu giá trị sản lượng, thu nhập quốc dân nông, lâm nghiệp, thủy sản tính theo hệ thống bảng cân đối kinh tế quốc dân (MPS), bổ sung các chỉ tiêu về trồng rừng theo dự án 327, khai thác đánh bắt hải sản theo bảng phân ngành kinh tế quốc dân mới,...

Tính chặt chẽ và lôgic của số liệu nông, lâm nghiệp và thủy sản còn được thể hiện ở sự thống nhất về khái niệm, nội dung giữa các chỉ tiêu đầu vào và các thông tin đầu ra. Các thông tin đầu vào về cơ bản được khai thác hết để tổng hợp kết quả đầu ra. Ngoài ra, sự trùng chéo trong thu thập thông tin giữa các hình thức khác nhau (giữa thu thập thông tin qua điều tra và thu thập thông tin qua chế độ báo cáo cơ sở) đã được hạn chế tối đa, đảm bảo tránh được sự mâu thuẫn giữa các nguồn số liệu và tiết kiệm kinh phí cho công tác thu thập thông tin.

4. Tính phù hợp

Tính phù hợp của số liệu thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản thể hiện ở mức độ đáp ứng những yêu cầu của những người sử dụng tin cả trong và ngoài nước. Về yêu cầu, tính phù hợp của hệ thống số liệu nông, lâm nghiệp và thủy sản cần đảm bảo trên cả hai khía cạnh: Một mặt, đáp ứng được những thông tin mà người sử dụng đang cần, mặt khác cần đảm bảo tính phù hợp về khái niệm được sử dụng. Tính phù hợp đòi hỏi khi tổ chức thu thập thông tin phải lấy yêu cầu của người dùng tin làm mục tiêu cao nhất.

Hệ thống thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản Nhà nước hiện nay bao gồm: Hệ

thống kê tập trung - Tổng cục Thống kê (cơ quan thống kê trung ương) và các cơ quan thống kê địa phương; Tổ chức thống kê Bộ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do vậy, các thông tin thống kê được thu thập và tổng hợp đồng thời bởi 2 kênh: Thống kê tập trung và thống kê Bộ, ngành, trong đó phần lớn các thông tin là do hệ thống thống kê tập trung thu thập.

a, Các thông tin do hệ thống thống kê tập trung - Tổng cục Thống kê thu thập:

Hệ thống thống kê tập trung hiện đang thu thập các loại thông tin chính sau:

- Nhóm thông tin về tình hình cơ bản và kết quả sản xuất,
- Nhóm thông tin về Tổng sản phẩm trong nước và đầu tư,
- Nhóm thông tin về giá cả, xuất nhập khẩu.

b, Những thông tin nông, lâm nghiệp và thủy sản các Bộ thu thập:

Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm qui định biểu mẫu, hướng dẫn phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai và tổng hợp các số liệu về thống kê đất hàng năm và kiểm kê đất 5 năm một lần.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thu thập và tổng hợp những thông tin chủ yếu sau:

- Số liệu thống kê tiến độ sản xuất hàng tháng, quý;
- Số liệu ước tính về kết quả sản xuất từng vụ và cả năm về sản xuất nông, lâm nghiệp;
- Số liệu về lao động, kết quả sản xuất và thu nhập của các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Số liệu về xuất, nhập khẩu nông, lâm sản, vật tư chủ yếu toàn ngành nông nghiệp;

Ngoài những thông tin chung do bộ phận thống kê Bộ thu thập, tổng hợp nêu trên, các đơn vị của Bộ cũng thu thập tổng hợp những thông tin thống kê riêng phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của từng đơn vị.

5. Tính chính xác

Tính chính xác của số liệu nông, lâm nghiệp và thủy sản là mức độ chính xác của những số liệu được thu thập từ các nguồn thông tin khác nhau như chế độ báo cáo, thu thập từ điều tra (Tổng điều tra hoặc điều tra mẫu suy rộng). Tính chính xác phản ánh khoảng cách giữa giá trị của thông tin thu thập và giá trị thực của các hiện tượng phát sinh.

Thông tin thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản về cơ bản đã phản ánh được xu hướng, diễn biến tình hình thực tế. Những thông tin quan trọng như giá trị sản xuất, sản lượng sản phẩm các cây, con chủ yếu (lúa, ngô, bò, cá, tôm,...) đã thể hiện được xu thế phát triển cũng như diễn biến mùa màng và các điều kiện phục vụ cho sản xuất. Tuy nhiên, tính chính xác của số liệu thống kê trong lĩnh vực này còn bộc lộ nhiều những hạn chế, cụ thể:

(1). Số liệu giữa các nguồn chưa thống nhất với nhau. Điển hình về sự mâu thuẫn này là số liệu sản xuất của một số cây công nghiệp lâu năm như: cà phê, hồ tiêu, cao su,... thường xuyên thấp hơn sản lượng xuất khẩu. Một trong những nguyên nhân là do phương pháp thu thập các thông tin về diện tích trồng và năng suất các loại cây này chưa phản ánh hết được thực tế.

(2). Số liệu Trung ương không khớp với số liệu các địa phương mà thể hiện rõ nhất là chỉ tiêu về giá trị sản xuất nông nghiệp. Chỉ tiêu giá trị sản xuất (cả theo giá cố định và giá thực tế)

tổng hợp từ các địa phương thường xuyên lớn hơn số liệu tính toán tại trung ương từ 6 - 10%. Có nhiều nguyên nhân: do những hạn chế của việc sử dụng bảng giá cố định năm 1994; do phương pháp tính toán chưa thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

(3). Hiện tượng chênh lệch nhiều giữa số liệu ước tính với số liệu sơ bộ và số liệu chính thức là khá phổ biến. Hiện tượng này phát sinh ở hầu hết các loại sản phẩm, đặc biệt là các thông tin về sản lượng nuôi trồng thủy sản, sản lượng cây nông nghiệp lâu năm, năng suất một số cây hàng năm. Những chênh lệch này phát sinh cả cấp trung ương và các cấp địa phương. Sự chênh lệch đó bắt nguồn từ đặc điểm của sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản là còn lệ thuộc rất lớn vào điều kiện tự nhiên môi trường, nếu trong năm xảy ra những yếu tố bất thường (dịch bệnh, lũ lụt, bão, hạn hán,...) sẽ ảnh hưởng đến kết quả sản xuất cũng như chất lượng các thông tin ước tính về kết quả sản xuất. Tuy nhiên, một số thông tin chỉ được điều tra thu thập một năm một lần (thủy sản, cây lâu năm) cũng là nguyên nhân tạo ra sự chênh lệch giữa số liệu ước tính, sơ bộ và chính thức.

(4). Độ tin cậy một số chỉ tiêu, nhất là các chỉ tiêu về dịch vụ nông, lâm nghiệp và thủy sản còn thấp chủ yếu do phương pháp thu thập và tính toán nhiều chỉ tiêu dịch vụ chưa cụ thể trong khi nội dung một số dịch vụ rất khó lượng hoá. Thông tin để phân tích ảnh hưởng tích cực của các hoạt động dịch vụ đến kết quả sản xuất hầu như chưa được chính thức hoá một cách có hệ thống thông qua hệ thống biểu mẫu của chế độ báo cáo. Các chỉ tiêu dịch vụ cũng còn rất sơ sài và chỉ nhằm mục đích tính giá trị sản xuất dịch vụ nông, lâm nghiệp và thủy sản theo giá cố

định và giá thực tế. Ngay bản thân các chỉ tiêu giá trị cũng chưa phản ánh hết kết quả hoạt động dịch vụ do chỉ giới hạn trong một khâu công việc nhất định, mới đề cập đến giá trị sản xuất mà chưa có thông tin về giá trị tăng thêm. Đồng thời vẫn còn chung chung, chưa tách bóc kết quả của từng ngành, do vậy chưa đưa ra được kết quả cụ thể của từng ngành và từng khâu công việc của từng ngành là bao nhiêu. Tuy đã có khái niệm, nội dung từng hoạt động dịch vụ như trên, nhưng từ đó đến nay vẫn tồn tại vấn đề lớn là phương pháp thu thập tính toán từng chỉ tiêu dịch vụ cụ thể như thế nào để đảm bảo có cơ sở khoa học và thực tế, chất lượng số liệu có độ tin cậy cần thiết. Do chưa có phương pháp thu thập và tính toán phù hợp nên cho đến nay, giữa Tổng cục Thống kê với các cục thống kê, giữa các tỉnh với nhau vẫn chưa có sự thống nhất cả về nội dung và kỹ thuật tính toán cụ thể. Phương pháp sử dụng hiện nay chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của các chuyên gia, tham khảo các tài liệu có liên quan để từ đó ước lượng giá trị từng hoạt động dịch vụ chủ yếu. Do vậy, độ tin cậy của số liệu dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp cả Tổng cục và các cục Thống kê tỉnh, thành phố, Phòng Thống kê các huyện, thị xã vẫn còn hạn chế về nhiều mặt. Cùng một nội dung hoạt động như nhau nhưng kết quả tính toán giữa các địa phương vẫn còn khác nhau. Số liệu thu thập và tính toán của các cục Thống kê cũng chỉ là tài liệu tham khảo đối với Tổng cục trong tính toán chỉ tiêu này. Kết quả tính toán của các cục Thống kê địa phương ở các vùng cho thấy tỷ trọng giá trị các hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi nói chung và trồng trọt nói riêng trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp và trồng trọt còn có sự chênh lệch rất

lớn giữa vùng này với vùng khác cũng như giữa các tỉnh trong cùng một vùng.

(5). Còn chênh lệch nhiều giữa kết quả điều tra thường xuyên và Tổng điều tra và thể hiện khá rõ về số liệu chăn nuôi (là thông tin được đồng thời thu thập cả qua điều tra mẫu và Tổng điều tra).

(6). Sự mâu thuẫn về xu hướng biến động giữa các địa phương vẫn còn phổ biến, nhất là số liệu về chăn nuôi: Theo báo cáo của của các tỉnh năm 2003 cân đối đàn lợn thì tỉnh Lạng Sơn, thành phố Đà Nẵng, Phú Yên và Bạc Liêu không có con lợn đực nào, tỉnh Thanh Hoá cả tỉnh chỉ có 13 con/170079 con lợn nái là không hợp lý. Về sản phẩm chăn nuôi: đối với đàn lợn, hệ số quay vòng của lợn thịt tính chung cho cả nước là 1,4 so với số con hiện có năm báo cáo; nhìn chung hệ số này không thể vượt quá 2 nhưng ở một số tỉnh hệ số này lại quá cao như: Hải Dương 2,46 hay Bắc Ninh 2,03, trong khi đó một số tỉnh đạt hệ số lại quá thấp không bằng 1. Về chỉ tiêu sản lượng sữa tươi bình quân một con bò sữa cả nước 1405kg/con, thì tỉnh Tuyên Quang chỉ đạt 44kg/con, vùng Đồng bằng sông Hồng 1395kg/con, vùng Bắc Trung Bộ chỉ đạt 6 kg/con, Hà Tĩnh đạt 143 kg/con, trong khi Khánh Hoà đạt tới 3281 kg/con thì Bình Định chỉ đạt 78,4 kg/con. Về sản lượng trứng gia cầm của các tỉnh cũng khác nhau khá xa, nếu tính bình quân cả nước đạt 19,4 quả trứng/con gia cầm thì có tỉnh như Lai Châu lại quá cao tới 145 quả nhưng Thanh Hoá lại chỉ có 1,5 quả,... Điều này cho thấy chất lượng số liệu điều tra mẫu về số đầu gia súc, gia cầm, chăn nuôi khác và sản phẩm chăn nuôi sản xuất hàng năm ở một số tỉnh chưa cao, sai

số lớn, khi so sánh số liệu điều tra chăn nuôi giữa các tỉnh trong một vùng và giữa các vùng càng thấy rõ nhược điểm này. Năng suất sản phẩm (như: trọng lượng bình quân 1 đầu con xuất chuồng, năng suất trứng gia cầm trên 1 mái đẻ, năng suất sữa bình quân trên một bò cái sữa,...) còn chênh lệch lớn giữa các tỉnh.

6. Tính kịp thời

Tính kịp thời của số liệu phản ánh độ dài thời gian giữa số liệu sẵn có để sử dụng với những sự kiện và hiện tượng phát sinh. Tiêu thức liên quan trực tiếp đến tính kịp thời của sản phẩm thống kê là đảm bảo đúng thời gian cung cấp và công bố số liệu. Tính kịp thời đòi hỏi phải có kế hoạch rõ ràng về thời gian xuất bản các ấn phẩm, thời gian công bố, phổ biến số liệu.

Để kịp thời cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng tin, công tác thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản đã thu thập, tổng hợp và công bố những thông tin vào những thời điểm khác nhau của cùng một vấn đề như: Số liệu ước tính, số liệu sơ bộ, số liệu chính thức, cơ sở dữ liệu, các báo cáo phân tích chuyên sâu. Các thông tin phát sinh trong năm cũng được chia theo nhiều kỳ báo cáo: tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và năm, các thông tin ước tính cả năm khi mới diễn ra được 9 tháng. Những thông tin quan trọng được báo cáo và tổng hợp phân theo các địa phương và theo nhiều kỳ khác nhau bao gồm:

- Diện tích, năng suất và sản lượng cây hàng năm: Được tổng hợp theo từng vụ sản xuất (vụ đông xuân, hè thu, vụ mùa và cả năm), trong mỗi vụ sản xuất sẽ có các số liệu ước tính, số liệu sơ bộ và số liệu chính thức;

- Diện tích, năng suất, sản lượng cây lâu năm được báo cáo ước tính vào tháng 9 năm báo cáo và báo cáo chính thức vào tháng 1 năm sau;

- Giá trị sản xuất từng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản được báo cáo nhiều lần: ước tính 6 tháng vào tháng 5, ước tính năm vào tháng 9 và báo cáo chính thức vào tháng 3 năm sau;

- Các chỉ tiêu về lâm nghiệp như: Trồng rừng, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng; khai thác gỗ và lâm sản; thiệt hại rừng được báo cáo và tổng hợp 3 kỳ: Ước 6 tháng vào tháng 5, ước tính năm vào tháng 9 và chính thức năm vào tháng 3 năm sau;

- Một số chỉ tiêu thủy sản cũng được báo cáo thành 3 kỳ tương tự như các chỉ tiêu lâm nghiệp, bao gồm: Nuôi trồng thủy sản; Sản lượng sản phẩm ngành thủy sản. Riêng chỉ tiêu đánh bắt xa bờ được báo cáo ước tính năm vào tháng 9 và chính thức năm vào tháng 3 năm sau.

Hiện nay, trong chế độ báo cáo thống kê định kỳ nông, lâm nghiệp và thủy sản áp dụng đối với cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Quyết định số 657/2002/QĐ-TCTK), nhiều chỉ tiêu đã được bổ sung thêm so với trước: Một số chỉ tiêu cơ bản về hợp tác xã; Các chỉ tiêu chủ yếu của trang trại; đánh bắt hải sản xa bờ; Một số chỉ tiêu chủ yếu của các doanh nghiệp nông, lâm thủy sản có vốn đầu tư nước ngoài. Điểm đáng chú ý là các biểu báo cáo đã có thay đổi về thời gian và báo cáo để có được thông tin kịp thời đồng thời phù hợp với tình hình thực tế của từng vùng, miền. Thời điểm báo cáo phần lớn biểu, chỉ tiêu được điều chỉnh là sớm hơn trước. Ngoài ra, nhiều chỉ tiêu ước tính đã được bổ sung như giá trị sản xuất 6 tháng của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của từng địa

phương, các chỉ tiêu khác như sản lượng thủy sản, sản lượng gỗ khai thác,... cũng được tăng số kỳ báo cáo. Chính vì vậy, tính kịp thời trong cung cấp thông tin đã có nhiều tiến bộ so với trước kia và các thông tin cung cấp cũng toàn diện hơn.

Để thông tin thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản phục vụ kịp thời các đối tượng sử dụng tin, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp:

- Rà soát, cải tiến chế độ báo cáo và điều tra thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng tăng thêm số lần báo cáo và thu thập thông tin, trước mắt tập trung vào nghiên cứu, bổ sung số kỳ điều tra thu thập thông tin đối với các cây lâu năm chủ yếu, diện tích nuôi và sản lượng thủy sản. Sử dụng điều tra mẫu qui mô nhỏ thay thế cho các cuộc điều tra toàn bộ cần được chú ý và tăng cường hơn nữa để tránh lãng phí và rút ngắn thời gian tổng hợp.

- Xây dựng lộ trình công bố số liệu theo tiến độ tổng hợp và xử lý số liệu, thực hiện công bố theo nhiều loại sản phẩm khác nhau, theo các thời gian khác nhau, từ các thông tin đơn giản đến phức tạp, từ các phân tích tổng quan đến các chuyên đề nghiên cứu chuyên sâu, từ các số liệu tổng hợp chung đến các cơ sở dữ liệu vi mô.

- Tăng cường khai thác, lồng ghép, sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau (điều tra, báo cáo, các cuộc điều tra trong nội bộ Tổng cục, các Bộ ngành liên quan,...). Trên cơ sở phân công, phân nhiệm rõ ràng về trách nhiệm thu thập và cung cấp thông tin giữa các đơn vị, các cơ quan (qua phân công trong hệ thống chỉ tiêu quốc gia).

- Loại bỏ bớt các thông tin không cần thiết và không còn phù hợp, đồng thời nghiên cứu ứng dụng các phương pháp, công nghệ xử lý mới đang được áp dụng ở các nước để rút ngắn thời gian xử lý, tổng hợp số liệu